

Xác minh tính hợp pháp gỗ ở Việt Nam

Bản hướng dẫn cho các công ty
Th.7 -2010

Mục lục

1.0 Giới thiệu	3
2.0 “Tính tuân thủ pháp lý” là gì?	4
3.0 Tính hợp pháp và Đánh giá của bên thứ 3	6
4.0 Những nội dung chính khi xác minh tính hợp pháp.....	6
5.0 Phạm vi xác minh/đánh giá.....	7
6.0 Chuẩn bị đánh giá	7
7.0 Trong quá trình đánh giá.....	8
8.0 Sau khi đánh giá.....	9
Danh mục hoạt động cần thực hiện dành cho cán bộ đánh giá.....	10

1.0 Giới thiệu

Những thay đổi về pháp lý mới đây ở thị trường Mỹ (Luật Lacey) và những phát triển tương tự ở Châu Âu (xây dựng quy định pháp lý mới ngăn chặn nhập khẩu “gỗ lậu”) đã dẫn đến làn sóng quan tâm từ khách hàng để đảm bảo gỗ họ mua hợp pháp và phù hợp với quy định luật pháp của quốc gia họ. Ngoài ra, vì nhiều lý do nhiều khách hàng không muốn liên quan đến sản phẩm gỗ có nguồn gốc bất hợp pháp.

Để đảm bảo không nhập khẩu gỗ bất hợp pháp, nhiều khách hàng đã hưởng ứng bằng cách yêu cầu nhà cung cấp chứng minh gỗ của họ có nguồn gốc hợp pháp. Có một vài cách khác nhau để hưởng ứng lại yêu cầu này, từ việc mua gỗ có chứng chỉ (như Hội đồng quản lý rừng - FSC hoặc hệ thống chứng chỉ khác với chứng chỉ chuỗi hành trình sản phẩm), để các nhà chế biến hoặc người mua có thể tự kiểm tra được. Một giải pháp ngày càng được sử dụng nhiều là có một tổ chức thứ ba đứng ra xác minh tính hợp pháp của nguyên liệu gỗ.

Kinh nghiệm đúc rút từ việc quan sát và hỗ trợ xác minh tính hợp pháp gỗ từ nhiều quốc gia đã cho phép GFTN xây dựng hướng dẫn này cho các công ty chế biến gỗ ở Việt Nam.

Bài học kinh nghiệm chính rút từ những công ty mà chúng tôi đang hợp tác:

1. Chuẩn bị là chìa khóa dẫn đến đánh giá thành công. Biết những gì sẽ được hỏi và chuẩn bị để có thể chứng minh/đưa ra bằng chứng. Cần đảm bảo hiểu rõ điều gì xảy ra và cần đáp ứng những yêu cầu gì trong từng khâu đoạn của chuỗi cung cấp sản phẩm.
2. Hiểu biết về các điều luật, quy định pháp lý liên quan đến rừng và chế biến gỗ. Tài liệu này bao gồm một danh sách văn bản pháp quy toàn diện được mô tả ở phần cuối.
3. Xác minh nguồn gốc hợp pháp gỗ (VLO) thường trực tiếp liên quan đến xác minh phần lớn các khâu trong chuỗi cung cấp sản phẩm. Yêu cầu pháp lý về khai thác, vận chuyển và chế biến thường rất rõ ràng và mức độ xác minh này thường trực tiếp liên quan đến hoạt động xác minh.
4. Xác minh tính tuân thủ pháp lý (VLC) khó hơn nhiều và thường phải triển khai nhiều hoạt động để đảm bảo tính tuân thủ pháp lý. Thường yêu cầu triển khai các hoạt động điều chỉnh về lĩnh vực xã hội, sức khỏe và an toàn lao động – những lĩnh vực sẽ được đánh giá.



Cung cấp sản phẩm hợp pháp được xác minh là một bước quan trọng trong các yêu cầu của GFTN đối với các công ty hoạt động hướng tới cải thiện chuỗi cung cấp của họ. Hướng dẫn này cho thấy bước thực hiện này rất quan trọng để khuyến khích nhà cung cấp của các công ty triển khai hoạt động theo phương thức có trách nhiệm hơn và có thể chứng minh với khách hàng nguồn gốc gỗ hợp pháp tại những thị trường nhạy cảm.

2.0 “Tính tuân thủ pháp lý” là gì?

Từ tháng 4.2010, một trong những văn bản pháp lý (ngoài luật và các văn bản pháp lý của Việt Nam) các công ty xuất khẩu cần quan tâm là đạo luật Lacey của Hoa Kỳ. Đó là một đạo luật quy định các công ty của Hoa Kỳ phải tuân thủ với những quy định đề ra và lĩnh vực yêu cầu chính của luật là bất kỳ nhà xuất khẩu nào cũng phải chứng minh rằng họ tuân thủ theo pháp luật của chính quốc gia của họ.

Sự phát triển trong tương lai ở Châu Âu hoặc các quốc gia khác dường như cũng tương tự như các lĩnh vực quy định trong luật của Trung Quốc trong đó họ sẽ yêu cầu các nhà xuất khẩu chứng minh rằng họ tuân thủ theo pháp luật. Quy định pháp lý của Châu Âu dường như cũng đưa ra những yêu cầu yêu cầu phù hợp với các đạo luật khác như những đạo luật ảnh hưởng tới tiền lương và sức khỏe cũng như điều kiện an toàn lao động của công nhân.

Bảng 1: Những nội dung của luật liên quan đến khai thác và chế biến gỗ cần được tuân thủ theo yêu cầu của đạo luật Lacey.

Giai đoạn trong chuỗi cung cấp	Hợp phần Luật Lacey	Các luật liên quan và cần tuân theo các yêu cầu, bao gồm những yêu cầu liên quan đến:	Các ví dụ về sự kết hợp các yêu cầu khác nhau.
Rừng	Quyền khai thác hợp pháp	1. lấy trộm thực vật (cây); 2. lấy thực vật (cây) từ khu rừng phòng hộ như vườn quốc gia hoặc khu bảo tồn; 3. khai thác thực vật (bao gồm nguyên cây hoặc gỗ tròn) từ các khu rừng được bảo vệ chính thức, như vườn quốc gia hay khu bảo tồn; 3. khai thác thực vật (gỗ tròn) từ các “vùng được quy hoạch chính thức” khác theo luật hoặc quy định của một quốc gia; 4. lấy thực vật (gỗ) mà không được phép, hoặc mâu thuẫn với các quy định	Đảm bảo có quyền hoặc giấy phép khai thác hợp pháp Đảm bảo chỉ khai thác những cây có thể được khai thác hợp pháp.
Rừng	Tính hợp pháp của khai thác	1. lấy trộm thực vật (cây); 2. lấy thực vật (cây) từ khu rừng phòng hộ như vườn quốc gia hoặc khu bảo tồn; 3. khai thác thực vật (bao gồm nguyên cây hoặc gỗ tròn) từ các khu rừng được bảo vệ chính thức, như vườn quốc gia hay khu bảo tồn; 3. khai thác thực vật (gỗ tròn) từ các “vùng được quy hoạch chính thức”	Đảm bảo khai thác được thực hiện theo giấy phép khai thác Đảm bảo hoạt động khai thác được thực hiện trên diện tích xác định trong giấy phép. Đảm bảo rằng các cây khai thác thuộc phạm vi giấy phép.

Giai đoạn trong chuỗi cung cấp	Hợp phần Luật Lacey	Các luật liên quan và cần tuân theo các yêu cầu, bao gồm những yêu cầu liên quan đến:	Các ví dụ về sự kết hợp các yêu cầu khác nhau.
		khác theo luật hoặc quy định của một quốc gia; 4. lấy thực vật (gỗ) mà không được phép, hoặc mâu thuẫn với các quy định	
Rừng	Nộp thuế và các loại phí	1. Chưa nộp đầy đủ các loại, thuế hoặc lệ phí liên quan tới việc khai thác, vận chuyển hay buôn bán thực vật (bao gồm nguyên cây hoặc gỗ tròn)	1. Đảm bảo rằng công ty quản lý rừng hoặc công ty khai thác thực hiện đầy đủ mọi nghĩa vụ tài chính liên quan đến thuế và lệ phí.
Vận chuyển	Tính hợp pháp của sở hữu và vận chuyển	1. Luật liên quan đến xuất khẩu hoặc vận chuyển hàng hóa xuyên biên giới như lệnh cấm xuất khẩu gỗ tròn.	1. Đảm bảo rằng mọi yêu cầu liên quan đã được đáp ứng đầy đủ trong quá trình vận chuyển gỗ hoặc lâm sản từ rừng đến nhà máy chế biến, nhà máy sản xuất hoặc cảng trước khi xuất khẩu.
Vận chuyển	Tính hợp pháp của sở hữu và vận chuyển	1. Không hoàn thành nghĩa vụ tài chính liên quan đến thuế hoặc lệ phí về khai thác, vận chuyển hoặc thương mại thực vật;	1. Đảm bảo rằng công ty có gỗ hoặc vận chuyển gỗ thực hiện đầy đủ mọi nghĩa vụ tài chính liên quan đến bản quyền, thuế hoặc lệ phí.
Chế biến	Tính hợp pháp của chế biến	1. Luật quản lý xuất khẩu hoặc vận chuyển hàng hóa, như lệnh cấm xuất khẩu gỗ tròn.	1. Đảm bảo rằng nhà máy chế biến hoặc sản xuất được thành lập hợp pháp và có giấy phép chế biến lâm sản phù.
Chế biến	Nộp phí và thuế	1. Không hoàn thành nghĩa vụ tài chính liên quan đến thuế hoặc lệ phí về khai thác, vận chuyển hoặc thương mại thực vật;	1. Đảm bảo rằng công ty chế biến gỗ thực hiện đầy đủ mọi nghĩa vụ tài chính liên quan đến bản quyền, thuế hoặc lệ phí.
Xuất khẩu	Tính hợp pháp của bán hàng và xuất khẩu	1. Luật quản lý xuất khẩu hoặc vận chuyển hàng hóa, như lệnh cấm xuất khẩu gỗ tròn.	1. Đảm bảo rằng công ty thực hiện vai trò như nhà xuất khẩu được thành lập và có giấy phép xuất khẩu lâm sản.
Xuất khẩu	Nộp phí và thuế	1. Luật quản lý xuất khẩu hoặc vận chuyển hàng hóa, như lệnh cấm xuất khẩu thực vật (gỗ tròn).	1. Đảm bảo rằng công ty xuất khẩu thực hiện đầy đủ mọi nghĩa vụ tài chính liên quan đến thuế hoặc lệ phí.

Bảng trên chỉ bao gồm những thông tin chung vào danh mục chi tiết các luật liên quan của Việt Nam được mô tả ở cuối tài liệu hướng dẫn này.

3.0 Tính hợp pháp và Đánh giá của bên thứ 3

Hiện một số tổ chức đánh giá độc lập có cung cấp dịch vụ xác minh tính hợp pháp và đánh giá bên thứ 3. Những công ty này thường tuyên bố rằng dịch vụ của họ thực sự độc lập vì họ tránh mọi mâu thuẫn lợi ích bằng cách hoặc là không tham gia thực hiện bất kỳ một hoạt động tư vấn nào hoặc, nếu có, triển khai hoạt động theo cách hoàn toàn tách biệt với công việc đánh giá/đánh giá họ đang thực hiện. Để tạo thêm sự nghiêm túc trong vai trò đánh giá, nhiều công ty này đã được các tổ chức đánh giá độc lập chỉ định làm đại diện và kiểm tra hoạt động của họ để đảm bảo công việc họ triển khai phù hợp với tiêu chuẩn cao đề ra.

Những tổ chức tham gia xác minh tính hợp pháp bao gồm:

Bureau Veritas - www.bureauveritas.com

Certisource Timber - www.certisource.net

Double Helix - www.doublehelixtracking.net

Rainforest Alliance - www.rainforest-alliance.org

SGS - www.sgs.com

Soil Association - www.soilassociation.org/forestry

Một số tổ chức khác cũng cung cấp các dịch vụ tương tự và danh sách này không phải là danh sách duy nhất và không có ý khuyến nghị bất cứ tổ chức nào đề cập trên.

4.0 Những nội dung chính khi xác minh tính hợp pháp

Để cung cấp thông tin tin cậy ở một mức độ có thể chấp nhận được, các cơ chế xác minh tính hợp pháp phải vận hành theo phương thức đáng tin cậy và trong khuôn khổ khung chung đã được phổ biến. Những nội dung chính của quá trình xác minh tính hợp pháp bao gồm:

Khái niệm về tính hợp pháp – đưa ra một “chuẩn mực” cần được đáp ứng. Cũng như nội dung của khái niệm, một yếu tố cũng quan trọng là khái niệm đó được xây dựng như thế nào. Ai tham gia dự thảo khái niệm sẽ thực sự ảnh hưởng đến nội dung khái niệm. Vì vậy, áp dụng phương pháp tiếp cận mạnh mẽ có sự tham gia của nhiều bên liên quan là một bài học kinh nghiệm cốt lõi từ chứng chỉ rừng để đảm bảo khái niệm đó mang tính tổng thể và thực tế. “Tiêu chuẩn” sử dụng trong trường hợp này do GFTN và TRAFFIC xây dựng và được mô tả ở phần dưới. Đây là tiêu chuẩn rất tổng thể và được xây dựng để áp dụng tại những nơi các tiêu chuẩn dựa trên cơ sở đa các bên liên quan chưa được xây dựng.

Xác minh – là kiểm tra xem những yêu cầu của khái niệm về tính hợp pháp có được đáp ứng không. Để đảm bảo tính công bằng và tin cậy, công việc này chỉ do các tổ chức chuyên nghiệp độc lập thực hiện.

Sự thừa nhận/công nhận – là một quá trình duy trì hoạt động của tổ chức xác minh/đánh giá. Không thể đưa ra nhận định về sự tin cậy của một tổ chức đánh giá nếu không thực hiện nhiều nghiên cứu toàn diện mà thông thường, công việc này nằm ngoài khả năng của khách hàng mua gỗ. Một số tổ chức đánh giá hiện đang phấn đấu để được công nhận tham gia vào hoạt động đánh giá trong tương lai.

Chuỗi hành trình sản phẩm – có ít nội dung trong việc xác minh liệu một khu rừng nào đó có được khai thác hợp pháp hay không nếu không thể truy xuất hành trình nguồn gốc gỗ từ khu rừng đó đến khi tới tay người tiêu dùng. Vì vậy, chuỗi hành trình sản phẩm rất quan trọng và cần thiết.

5.0 Phạm vi xác minh/đánh giá

Trên thực tế, do tính phức tạp của hệ thống khung pháp lý hiện có, phần lớn các hoạt động xác minh tính hợp pháp đều lựa chọn giới hạn các tiêu chuẩn pháp lý tới các văn bản luật và quy định quan trọng liên quan. Những văn bản này được chia thành 2 nhóm lớn sau:

Khái niệm về nguồn gốc hợp pháp – một chuỗi tiêu chí rất cơ bản tập trung vào quyền khai thác hợp pháp và thường là một vài nguồn luật trực tiếp liên quan đến lâm nghiệp, ví dụ: quyền hưởng dụng, thẩm quyền khai thác và tính phù hợp tuân thủ theo các nguồn luật lâm nghiệp chính, ở những nơi có hoạt động khai thác. Phạm vi này thường được gọi là “xác minh nguồn gốc hợp pháp” hoặc VLO.

Khái niệm về tính tuân thủ pháp lý – là những khái niệm có phạm vi rộng hơn nhiều, dựa trên những yêu cầu VLO cơ bản bao gồm: tính hợp pháp trong khai thác, kể cả phù hợp với các điều kiện cho phép, trả tiền bản quyền, phù hợp với các quy định về quản lý rừng bao gồm các tiêu chí bắt buộc về quản lý rừng bền vững, các nguồn luật về môi trường, lao động, phúc lợi xã hội, sức khỏe và an toàn. Phạm vi này thường được gọi là “xác minh tính tuân thủ pháp lý” hoặc VLC. Ngoài ra, VLC cũng bao gồm các yêu cầu đối với chế biến hợp pháp, gồm tuân thủ theo hạn ngạch chế biến trong nước, đảm bảo không trộn lẫn với các nguồn nguyên liệu bất hợp pháp và thực hiện nghĩa vụ đóng thuế sản xuất, chế biến; buôn bán và xuất khẩu hợp pháp gồm giấy phép xuất khẩu, có giấy phép cần thiết của cơ quan quản lý CITES và hải quan.

Hướng dẫn này nhằm đạt được cấp độ “xác minh tính tuân thủ pháp lý”.

Việc lựa chọn mức độ xác minh thường do khách hàng xuất khẩu quyết định và sẽ phụ thuộc vào mức độ rủi ro (theo họ nhìn nhận). Rất khó để chứng minh việc xác minh tính tuân thủ pháp lý vì điều đó phụ thuộc vào xác minh tính tuân thủ một chuỗi các nguồn luật, nhiều hơn so với việc xác minh nguồn gốc hợp pháp. Các nhà sản xuất mong muốn đạt được chứng chỉ của bên thứ 3 đáng tin cậy như FSC thường lựa chọn hình thức xác minh tính tuân thủ pháp lý vì mức độ này tiệm cận gần hơn với mức độ đánh giá mà họ sẽ cần phải thực hiện khi hoạt động hướng tới hình thức chứng chỉ này trong tương lai và là cấp độ gần nhất tới cấp độ đánh giá cần có để chứng minh tính tuân thủ và phù hợp với đạo luật Lacey của Hoa Kỳ và quy định của Châu Âu trong tương lai.

6.0 Chuẩn bị đánh giá

Cần xem xét một số việc chính trước khi tiến hành đánh giá tính hợp pháp:

Thảo luận hình thức đánh giá và sự cần thiết để thực hiện đánh giá với khách hàng của bạn. Cần lưu ý rằng khách hàng ở Hoa Kỳ yêu cầu đảm bảo sản phẩm họ nhập khẩu phù hợp với quy định của luật Lacey và



khách hàng Châu Âu sẽ có những yêu cầu tương tự trong tương lai nếu hiện họ chưa yêu cầu.

Thảo luận việc lựa chọn tổ chức đánh giá với khách hàng của bạn – chọn một tổ chức họ đồng ý. Nên lựa chọn tổ chức đánh giá dựa trên cơ sở kinh nghiệm và kiến thức về địa phương của họ.

Thảo luận tiến trình với tổ chức đánh giá trước khi ký kết thỏa thuận – đảm bảo rằng bạn có thể hợp tác với họ và cần xác định rõ bạn có thể kỳ vọng những gì và bạn sẽ trả bao nhiêu tiền?.

Chuẩn bị kỹ lưỡng: Càng dành nhiều thời gian tìm hiểu quá trình và những câu hỏi sẽ được cơ quan đánh giá nêu ra thì tiến trình đánh giá càng diễn ra nhanh hơn và hiệu quả hơn. Chuẩn bị tốt trước khi tiến hành đánh giá sẽ giúp tiết kiệm thời gian và tài chính.

Tự đánh giá/đánh giá nội bộ: rà soát toàn bộ quy trình và hệ thống kiểm soát để đảm bảo có đầy đủ tài liệu cũng như các hệ thống theo yêu cầu và công ty của bạn tuân thủ theo các yêu cầu về tiêu chuẩn, luật và quy định liên quan. Nếu bạn không thể tự thuyết phục mình thì bạn sẽ không thể thuyết phục được tổ chức đánh giá.

Đảm bảo bạn có thể truy xuất nguồn gốc: bạn sẽ cần biết gỗ được khai thác từ đâu và bạn có mọi giấy tờ cần thiết để chứng minh điều đó.

Khi bạn đã sẵn sàng – gửi hồ sơ cho tổ chức đánh giá lựa chọn.

Nếu chuỗi cung cấp hàng hóa của bạn rất phức tạp, bạn có thể triển khai tiền đánh giá. Điều đó sẽ làm tăng chi phí so với đánh giá một lần.

Ký hợp đồng, lên chương trình và thời gian thực hiện đánh giá.

Tổ chức đánh giá sẽ yêu cầu bạn xác định các bên liên quan chính cần thiết tham gia vào quá trình đánh giá. Dành thời gian giải thích với họ những gì đang diễn ra và họ sẽ được hỏi những gì.

7.0 Trong quá trình đánh giá

7.1. Đánh giá tại hiện trường. Trong quá trình đánh giá, tổ chức đánh giá sẽ đến thăm hiện trường, làm việc với tất cả các bên liên quan tham gia vào chuỗi cung cấp sản phẩm như chủ quản lý rừng, nhà máy hoặc một đơn vị quản lý rừng đại diện thuộc phạm vi đánh giá. Nhóm cán bộ đánh giá sẽ đánh giá sự tuân thủ với mọi tiêu chí áp dụng trong danh mục. Cán bộ đánh giá sẽ có thể cần trung bình 1 ngày làm việc tại mỗi khâu liên quan trong chuỗi cung cấp sản phẩm.

7.2 Thu thập chứng cứ. Trong quá trình đánh giá, trách nhiệm chính của cán bộ đánh giá là đánh giá liệu công ty có tuân thủ theo các yêu cầu pháp lý và chuỗi hành trình sản phẩm hay không. Một trong những nội dung quan trọng là có thể truy xuất nguồn gốc gỗ với đầy đủ chứng cứ, hồ sơ hỗ trợ.

7.3 Xác định tính tuân thủ pháp lý. Sẽ không có tính tuân thủ pháp lý nếu hệ thống yêu cầu chưa được xây dựng hoặc các hoạt động diễn ra trên thực tế khác với những gì xác định trong hệ thống. Cán bộ đánh giá có thể xác định mức độ không tuân thủ pháp lý thấp (ví dụ, ở những nơi có những sai sót tạm thời, hiếm khi có sai sót hoặc những sai sót đó có tác động hạn chế) hoặc cao (ví dụ: có rủi ro cho thấy việc khai thác gỗ không tuân theo quy định của luật và văn bản liên quan).

7.4 Cán bộ đánh giá sẽ Đề xuất Các Hành động Khắc phục (CARs) trong đó mô tả những hành



động yêu cầu thực hiện hoặc giải quyết những hoạt động chưa tuân thủ pháp lý đã được xác định trong quá trình đánh giá. Những yêu cầu chính đề cập trong CARs là những yêu cầu khép kín hay nói cách khác là những điều kiện tiên quyết trước khi cung cấp thỏa thuận đánh giá hoặc biên bản đánh giá. Việc có những CARs nhỏ sẽ không cản trở việc cung cấp biên bản đánh giá, mặc dù nếu không giải quyết được những CARs nhỏ này trong khung thời gian thỏa thuận

(thông thường từ 3 – 6 tháng) thì chúng sẽ trở thành những CARs lớn.

7.5 Báo cáo: Báo cáo dự thảo của nhóm đánh giá sẽ được rà soát và thông qua bởi một cán bộ kiểm soát chất lượng độc lập để kiểm tra xem các quy trình, thủ tục có được tuân thủ chính xác hay không. Trên cơ sở kết quả và khuyến nghị đưa ra của nhóm đánh giá, cán bộ đánh giá sẽ đưa ra những quyết định cuối cùng. Báo cáo sẽ được gửi cho bạn để có ý kiến đóng góp trước khi hoàn thiện. Phần lớn các cán bộ đánh giá sẽ đăng tải tóm tắt của báo cáo cuối cùng lên trang web của họ. Dành thời gian đọc để hiểu kỹ báo cáo và đừng ngại yêu cầu họ giải thích những nội dung bạn chưa hiểu rõ – đó là báo cáo của bạn và bạn phải trả tiền cho báo cáo đó.

7.6 Thỏa thuận xác minh. Khi việc xác minh được bên đánh giá thông qua, Thỏa thuận xác minh một năm sẽ được ký kết giữa công ty bạn và tổ chức đánh giá. Sau khi ký kết, bạn sẽ nhận được thông báo tài chính liên quan đến việc đánh giá cùng với mã số đánh giá. Biên bản xác minh sẽ bao gồm những thông tin đánh giá chung như tên tổ chức, nhóm sản phẩm, vị trí và phạm vi; mã số xác minh; thời hạn có hiệu lực của biên bản. Trong trường hợp kết quả đánh giá không khả quan, công ty của bạn hoặc phải giải quyết những CARs lớn hoặc không đưa ra Biên bản xác minh (hoặc ngừng lại nếu trước đó đã có biên bản).

8.0 Sau khi đánh giá

Tiếp theo mỗi đợt đánh giá thành công, hoạt động giám sát sẽ được thực hiện 6 tháng/lần.

Sau một năm thực hiện thỏa thuận xác minh, sẽ triển khai đánh giá lại để cập nhật những nội dung cần xác minh lại.

Để bảo vệ tính toàn vẹn của hệ thống xác minh, một số tổ chức đánh giá có thể triển khai đánh giá theo nhóm trong những trường hợp tổ chức đánh giá nhận thức được bối cảnh với những thông tin thuyết phục cho rằng khách hàng không tuân thủ theo tiêu chuẩn liên quan hoặc họ nhận được những chứng cứ, đơn kiện liên quan.

Mạng lưới Thương mại lâm sản toàn cầu là sáng kiến của WWF để chuyển đổi thị trường toàn cầu thành một lực lượng để cứu những cánh rừng có giá trị và đang bị đe dọa trên thế giới đồng thời tạo ra các lợi ích về kinh tế, xã hội cho doanh nghiệp và người dân sống phụ thuộc vào tài nguyên rừng.

GFTN đã hoạt động ở Việt Nam từ năm 2006 và hiện đang hợp tác với 11 công ty ở Việt nam. Ở quy mô toàn cầu, GFTN hợp tác với hơn 300 công ty hoạt động trên hơn 30 quốc gia.

Danh mục hoạt động cần thực hiện dành cho cán bộ đánh giá

Chỉ số	Hướng dẫn/cán bộ đánh giá
NGUYÊN TẮC 1: TIẾP CẬN, QUYỀN SỬ DỤNG VÀ HƯỞNG DỤNG ĐẤT	
Tiêu chuẩn 1.1: Chứng cứ về quyền sử dụng, tiếp cận và hưởng dụng đất đai và/hoặc đất rừng được thể hiện rõ trong các luật và qui định có liên quan	
Chỉ số 1.1.1: Công ty phải sở hữu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có hiệu lực	Xác minh công ty có tài liệu cho phép sử dụng đất có hiệu lực. Yêu cầu cung cấp các tài liệu sau: • Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất do Sở tài nguyên môi trường (DONRE) cấp • Giấy đăng ký thành lập công ty do UBND tỉnh cấp • Quyết định giao đất do UBND tỉnh cấp • Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất
	Văn bản tham chiếu • Điều 31, 51, 52, 122, 123 Luật Đất đai 2003. • Điều 30, 31, 38, 40, 41, 68, 71, 78, 84, 86, 87, 125 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai 2003. • Điều 20 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vv.
Chỉ số 1.1.2: Công ty có giấy chứng nhận quyền sử dụng rừng có hiệu lực	• Xác minh công ty có giấy chứng nhận sử dụng rừng có hiệu lực. Yêu cầu cung cấp một trong các tài liệu sau: • Quyết định giao đất do UBND tỉnh cấp • Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng rừng giữa các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình và công ty • Hướng dẫn về giao rừng được mô tả trong các quy định liên quan.
	• Văn bản tham chiếu: • Điều 19, 31 Nghị định 23/2006/NĐ-CP ngày 3/3/2006 của Chính phủ về việc thi hành Luật BV&PT rừng năm 2004 • Khoản 1, Điểm a – Khoản 2, Điểm b Khoản 4, Điều 42 Nghị định 186/2006/QĐ-TTg ngày 14/8/2006 quy định về quản lý rừng.
Tiêu chuẩn 1.2: Áp dụng quyền sử dụng, tiếp cận và hưởng dụng là điều kiện tiên quyết quy định trong các luật và quy định liên quan.	
Chỉ số 1.2.1: Các hoạt động được phép thực hiện trên diện tích không có	• Xác minh rằng các hoạt động của công ty được mô tả chi tiết trong quyết định giao rừng của Chủ tịch UBND tỉnh và trong các kế hoạch quản lý. • Ghi chú: Quy định danh mục một số hoạt động được phép thực hiện phụ thuộc vào loại rừng.

rừng thuộc diện tích rừng sản xuất và rừng phòng hộ do Bộ NNPTNT quy định	Văn bản tham chiếu: • Điều 53, Nghị định 23/2006/NĐ-CP, ngày 3/3/2006 của Chính phủ về việc thi hành Luật BV&PT rừng 2004 • Khoản 1 điểm a, Khoản 2 điểm b và Khoản 4 của Quyết định 186/2006/QĐ-TTg ngày 14/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế quản lý rừng
Chỉ số 1.2.2: Có kế hoạch quản lý rừng hàng năm, 5 năm và 10 năm được phê duyệt đối với diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng	• Xác minh rằng công ty có kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng hàng năm, 5 năm và 10 năm do Bộ NN-PTNT phê duyệt. • Ghi chú: • Yêu cầu kế hoạch quản lý được liệt kê trong các quy định liên quan. Văn bản tham chiếu: • Điều 10 Nghị định 23/2006/NĐ-CP ngày 3/3/2006 của Chính phủ về việc thi hành Luật BV&PT rừng. • Điều 8, 9 Quyết định 40/2005/QĐ-BNN ngày 07/7/2005 của Bộ NN&PTNT về việc ban hành quy chế khai thác gỗ và các lâm sản khác
NGUYÊN TẮC 2: QUY ĐỊNH KHAI THÁC GỖ	
Tiêu chuẩn 2.1: Giấy phép khai thác gỗ với các điều kiện đề cập phù hợp với các chính sách, hướng dẫn và yêu cầu về qui chế liên quan của Chính phủ, được cấp có thẩm quyền phê duyệt	
Chỉ số 2.1.1: Kế hoạch khai thác được cấp có thẩm quyền phê duyệt	• Xác minh rằng công ty có kế hoạch và bản đồ khai thác được phê duyệt • Ghi chú: Kế hoạch quản lý và thiết kế chi có thể do các tổ chức được cấp giấy phép hoạt động xây dựng như: Viện Điều tra và Quy hoạch rừng (FIPI), Các Trường kỹ thuật Lâm nghiệp (FC) và Lâm trường quốc doanh được cấp giấy phép hoạt động (SFE) và các tổ chức tại địa phương có chức năng xây dựng/thiết kế kế hoạch được mô tả trong giấy phép đăng ký kinh doanh. • Trong những trường hợp công ty trồng rừng theo vốn vay từ chính phủ, kế hoạch khai thác sẽ do Sở NNPTNT (với những công ty trực thuộc tỉnh) hoặc Tổng công ty Lâm nghiệp VN (VINAFOR) và sau đó là Bộ NNPTNT phê duyệt. • Các công ty tự đầu tư trồng rừng không cần có giấy phép khai thác. Văn bản tham chiếu: • Chương II, III, Điều 33, 34 chương IV của Quyết định số 40/2005/QĐ-BNN ngày 07/7/ 2005 của Bộ NN&PTNT về việc ban hành Quy chế khai thác gỗ và các lâm sản khác. - Quyết định số 200/QĐ-KT ngày 31/3/1993 về công nghệ lâm sinh cho khai thác gỗ và tre nứa rừng sản xuất (QPN 14-92)
Tiêu chuẩn 2.2: Công ty thực hiện khai thác rừng tự nhiên theo quy định của pháp luật về hệ thống lâm sinh và các văn bản pháp quy có liên quan.	
Chỉ số 2.2.1: Hoạt động khai thác rừng tự nhiên phù hợp với các quy định có liên quan	• Xác minh rằng công ty khai thác hoạt động phù hợp với các quy trình lâm sinh liên quan. • Ghi chú: Yêu cầu thiết kế khai thác được mô tả trong các quy định liên quan. Văn bản tham chiếu

	• Điều 25 QPN 14-92 hay Quyết định số 200/QĐ-KT ngày 31/3/1993 quy định về công nghệ lâm sinh cho khai thác gỗ và tre nứa. • Quyết định số 40/2005/QĐ-BNN ngày 07/7/2005 của Bộ NN&PTNT về việc ban hành quy chế khai thác gỗ và các lâm sản khác. • Khoản 1, Điều 18, Khoản 1, Điều 20 Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14/8/2006 ban hành Quy chế quản lý rừng.
Chỉ số 2.2.2: Toàn bộ diện tích rừng tự nhiên được phép khai thác được phân định ranh giới trên bản đồ theo tỷ lệ phù hợp và trên thực địa	• Kiểm tra các ranh giới được đánh dấu rõ ràng trên bản đồ; kiểm tra chéo trên thực địa để đảm bảo rằng toàn bộ ranh giới tuân theo các quy chế có liên quan. • Bản đồ kế hoạch khai thác có tỷ lệ: 1:5,000. Văn bản tham chiếu: • Quyết định số 40/2005/QĐ-BNN ngày 07/7/2005 của Bộ NN&PTNT về việc ban hành quy chế khai thác gỗ và các lâm sản khác.
Chỉ số 2.2.3: Số liệu về toàn bộ số cây khai thác được Cơ quan Kiểm Lâm kiểm tra và đóng dấu	• Kiểm tra xem công ty ghi chép số liệu phù hợp với số liệu chính thức. • Ghi chú: Kiểm tra chéo về gỗ khai thác dựa vào tờ đánh dấu cây và dấu của cơ quan Kiểm lâm được tiến hành tại bãi sau khai thác. Các số liệu, tài liệu liên quan đến việc đóng dấu được lưu tại cơ quan Kiểm lâm nhằm mục đích đánh giá thuế tài nguyên và chứng nhận nguồn gốc gỗ. Văn bản tham chiếu: • Quyết định số 40/2005/QĐ-BNN ngày 07/7/2005 của Bộ NN&PTNT về việc ban hành quy chế khai thác gỗ và các lâm sản khác.
Chỉ số 2.2.4: Chủ rừng và Sở NN&PTNT tiến hành đánh giá để kiểm tra việc thực hiện khai thác trên thực tế so với thiết kế ban đầu.	• Kiểm tra xem mọi diện tích khai thác của công ty có được đưa vào báo cáo kiểm tra sau khai thác đã được phê duyệt. Văn bản tham chiếu: • Mục 2E, Điều 13 và Điều 19 Quyết định 40/2005/QĐ-BNN ngày 07/7/2005 của Bộ NN&PTNT về việc ban hành quy chế khai thác gỗ và các lâm sản khác.
NGUYÊN TẮC 3: VẬN CHUYỂN GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ	
Tiêu chuẩn 3.1: Các công ty và tổ chức vận chuyển sản phẩm gỗ phải chứng minh bằng chứng rõ ràng về các tài liệu và giấy phép chuyên chở theo luật và qui chế có liên quan	
Chỉ số 3.1.1: Công ty vận tải và cá	• Kiểm tra giấy phép có hiệu lực của công ty. • Ghi chú: bản copy đăng ký giấy phép được lưu ở Sở Giao thông Vận tải.

nhân được cấp giấy phép vận chuyển gỗ	Văn bản tham chiếu: • Điều 11, Nghị định 110/2006/NĐ-CP ngày 28/9/2006 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh vận tải đường bộ. • Điều 7, 10, Nghị định 21/205/NĐ-CP ngày 1/3/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa.
Chỉ số 3.1.2 Các tổ chức sử dụng xe tải hoặc tàu vận chuyển lâm sản không thuộc cơ quan quản lý lâm nghiệp phải có giấy phép liên quan	• Kiểm tra hồ sơ giấy phép có hiệu lực, bao gồm: • Năm đăng ký phương tiện vận chuyển, loại phương tiện vận chuyển, • Công suất, trọng tải phương tiện vận chuyển • Kiểm tra tài liệu chứng minh công ty sở hữu/hợp đồng tàu hoặc xe tải. • Cần có 2 giấy phép do cơ quan vận tải và cơ quan an ninh công cộng cấp đối với từng chuyến tàu hoặc xe tải chở hàng của công ty hoặc cá nhân. Văn bản tham chiếu: • Thông tư số 01/2007/TT-BCA (C11) ngày 02/01/2007 của Bộ Công An hướng dẫn tổ chức cấp đăng ký, biển số, phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
Tiêu chuẩn 3.2: Công ty cần có những chứng cứ rõ ràng về tài liệu và đánh dấu các sản phẩm gỗ được vận chuyển theo luật và qui chế có liên quan	
Chỉ số 3.2.1: Toàn bộ gỗ được vận chuyển từ bãi khai thác đều được đánh dấu bằng dấu chính thức.	• Toàn bộ gỗ khai thác có đóng búa kiểm lâm của Cơ quan Kiểm lâm là hợp pháp. • Cũng cần kiểm tra các cây đánh dấu với lý lịch gỗ chính thức. Văn bản tham chiếu: • Điểm 1e, Điều 19 của Quyết định 40/2005/QĐ-BNN ngày 07/7/2005 của Bộ NN&PTNT về việc ban hành quy chế khai thác gỗ và lâm sản khác - Điểm 2 a, Điều 7, Quyết định 44/2006/QĐ-BNN ngày 01/6/2006 của Bộ NN&PTNT về quản lý và đóng búa bài cây và búa kiểm lâm
Chỉ số 3.2.2: Công ty ghi chép lại hành trình vận chuyển gỗ đến nhà máy chế biến vào hồ sơ chính thức	• Kiểm tra bằng phương pháp chọn mẫu xem gỗ vận chuyển có đi kèm với hồ sơ đúng quy cách không: • Ghi chép lại việc vận chuyển gỗ theo biểu mẫu quy định của Bộ NN&PTNT đến khu chế biến vào sổ ghi chép đúng quy cách • Tài liệu chứng minh nguồn gốc gỗ xác nhận của Hạt kiểm lâm huyện đối với gỗ không cần đóng dấu kiểm lâm; hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân xã đối với gỗ rừng trồng và cây phân tán • Ghi chú: hồ sơ được cấp trước khi vận chuyển gỗ ra ngoài diện tích rừng quản lý, hoặc tại thời điểm đầu giá nhà nước. Văn bản tham chiếu: • Quyết định 59/2005/QĐ-BNN ngày 10/10/2005 của Bộ NN&PTNT ban hành quy chế thanh tra và kiểm soát lâm sản
Chỉ số 3.2.3: Hoàn tất giấy tờ lô	• Kiểm tra giấy tờ vận chuyển gỗ nội địa hợp pháp (và lưu kho bãi, chế biến): • Hoá đơn bán hàng làm theo mẫu của Bộ Tài chính (chỉ áp dụng đối với gỗ do các

hàng trong quá trình vận chuyển	công ty khai thác); • Hoá đơn lưu kho bãi và vận chuyển trong khu vực lưu kho bãi • Danh mục gỗ khai thác theo mẫu của Bộ NN&PTNT • Dấu của Cơ quan Kiểm lâm phù hợp với lô hàng gỗ. • Giấy tờ vận chuyển gỗ nhập khẩu gồm những nội dung sau: • Tờ khai nhập khẩu của hải quan • Danh mục gỗ nhập khẩu do nước xuất khẩu lập • Dấu kiểm lâm hoặc một chứng thực khác có giá trị tương đương của nước xuất khẩu, hoặc nếu không thì phải có giấy tờ chứng thực của cơ quan kiểm lâm tại thời điểm nhập khẩu. • Ghi chú: Nếu gỗ nhập khẩu được bán lại thì phải xuất trình hoá đơn bán hàng theo mẫu của Bộ Tài chính và bảng danh mục chủng loại gỗ nhập khẩu; hoặc nếu lô hàng chia thành nhiều phần thì phải cung cấp bảng danh mục chủng loại gỗ đã được cơ quan kiểm lâm chứng thực. Văn bản tham chiếu: • Điều 7,8,9,11,14 Quyết định 59/2005/QĐ-BNN ngày 10/10/2005 của Bộ NN&PTNT về việc ban hành quy chế thanh tra và kiểm soát lâm sản.
Chỉ số 3.2.4: Công ty khi vận chuyển gỗ phải mang theo đầy đủ các giấy tờ cần thiết trong xe vận chuyển	Tài liệu bao gồm: • Hóa đơn bán hàng của Bộ Tài chính hoặc phiếu xuất kho đối với vận chuyển nội bộ. • Lý lịch gỗ và dấu búa kiểm lâm Văn bản tham chiếu: • Khoản 1 Điều 7 và khoản 1 Điều 8 của Quyết định 59/2005/QĐ-BNN ngày 10/10/2005 của Bộ NN&PTNT về việc ban hành Quy định về kiểm tra, kiểm soát lâm sản. Văn bản tham chiếu: • Điều 7,8,9,11,14 Quyết định 59/2005/QĐ-BNN ngày 10/10/2005 của Bộ NN&PTNT về việc ban hành quy chế thanh tra và kiểm soát lâm sản.
NGUYÊN TẮC 4: QUY ĐỊNH CHẾ BIẾN	
Tiêu chuẩn 4.1: Các tổ chức chế biến gỗ phải có giấy phép và các tài liệu rõ ràng phù hợp với luật và quy định liên quan	
Chỉ số 4.1.1: Các tổ chức chế biến gỗ phải có giấy phép đăng ký kinh doanh hợp pháp để vận hành và giấy phép	• Kiểm tra những tài liệu sau của công ty: • Giấy phép đăng ký kinh doanh • Giấy phép hoạt động • Giấy phép nhập khẩu

chế biến hàng hóa cho thương nhân nước ngoài (nếu cần thiết)	• Giấy phép chế biến hàng hóa xuất khẩu (do bộ Thương mại cấp). • Ghi chú: Giấy phép đăng ký kinh doanh do UBND huyện (đối với kinh doanh hộ gia đình) hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh (đối với công ty kinh doanh có tổ chức) cấp. Văn bản tham chiếu: • Khoản 1b, 2 Điều 15 Quyết định số 59/2005/QĐ-BNN ngày 10/10/2005 của Bộ NN&PTNT về việc ban hành Quy định về kiểm tra, kiểm soát lâm sản • Khoản 7, Điều 4, Điều 10, Điều 29 Nghị định 12/2006/NĐ-CP ngày 23/1/2006 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết việc thực hiện các quy định của Luật Thương mại về mua bán hàng hoá quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hoá với nước ngoài
Tiêu chuẩn 4.2: Các công ty chế biến gỗ phải tuân theo các điều kiện đưa ra trong luật và qui định có liên quan	
Chỉ số 4.2.1: Đơn vị kinh doanh và chế biến gỗ phải lập sổ để ghi chép lại toàn bộ thông tin về gỗ nhập vào và xuất ra của đơn vị.	• Kiểm tra việc cập nhật thường xuyên và lưu giữ sổ ghi chép. • Ghi chú: số liệu về lượng gỗ nhập vào và còn tồn của đơn vị phải được ghi chép trong ngày giao dịch. Sổ ghi chép này do Cơ quan kiểm lâm huyện hướng dẫn và cung cấp. Văn bản tham chiếu: • Khoản 1b, 2 Điều 15 Quyết định số 59/2005/QĐ-BNN ngày 10/10/2005 của Bộ NN&PTNT về việc ban hành Quy định về kiểm tra, kiểm soát lâm sản
Chỉ số 4.2.2: Toàn bộ nguyên liệu thô của nhà máy chế biến gỗ phải kèm theo hợp đồng bán và có hoá đơn bán hàng chính thức	• Kiểm tra xem công ty có hợp đồng bán hàng đối với từng khâu giao dịch trong chuỗi cung cấp sản phẩm tới nhà máy chế biến. • Ghi chú: Hoá đơn bán hàng phải theo quy định của Bộ tài chính là bắt buộc. Văn bản tham chiếu: • Điều 7, 8, 9 và 11 của Quyết định 59/2005/QĐ-BNN ngày 10/10/2005 của Bộ NN&PTNT về việc ban hành Quy định về kiểm tra, kiểm soát lâm sản
NGUYÊN TẮC 5: QUY ĐỊNH VỀ NHẬP KHẨU VÀ XUẤT KHẨU	
Tiêu chuẩn 5.1: Công ty tham gia vào xuất nhập khẩu phải có giấy phép rõ ràng theo luật và qui định liên quan	
Chỉ số 5.1.1: Công ty phải có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và giấy phép xuất, nhập khẩu hợp pháp để hoạt động	• Kiểm tra các tài liệu sau đây của công ty: • Giấy phép đăng ký kinh doanh hiện tại • Mã số thuế • Giấy phép nhập hoặc xuất khẩu (do Bộ Thương mại cấp). • Ghi chú: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do UBND huyện cấp cho hộ kinh doanh cá thể hoặc do Sở KH-ĐT cấp cho doanh nghiệp. Văn bản tham chiếu: • Khoản 1a, Điều 15 Quyết định 59/2005/QĐ-BNN ngày 10/10/2005 của Bộ NN&PTNT về việc ban hành Quy định về kiểm tra, kiểm soát lâm sản. • Khoản 7, Điều 4, Điều 10, Điều 29 Nghị định 12/2006/NĐ-CP ngày 23/1/2006

	của Chính phủ hướng dẫn chi tiết việc thực hiện các quy định của Luật Thương mại về mua bán hàng hoá quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hoá với nước ngoài.
Chỉ số 5.1.2: Từng công ty vận chuyển và tàu biển vận chuyển của họ phải được đăng ký tại Bộ Giao thông Vận tải (MoT) (Cục hàng hải Việt Nam hoặc chi cục hàng hải)	• Các tài liệu đăng ký cần được kiểm tra về tính hiệu lực (do Bộ Giao thông cấp) và các tài liệu khác liên quan đến công ty và tàu chở hàng. Văn bản tham chiếu: • Nghị định 49/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/5/2006 về đăng ký, mua bán tàu biển • Khoản c, Mục 1, Điều 19 và Phụ lục 4 của Nghị định số 160/2003/NĐ-CP ngày 18/12/2003 của Chính Phủ về Quản lý hoạt động hàng hải tại cảng biển và khu vực hàng hải của Việt Nam.
Tiêu chuẩn 5.2: Các công ty và đơn vị vận chuyển lâm sản xuất nhập khẩu phải có bằng chứng rõ ràng về các giấy tờ chính thức phù hợp với pháp luật và qui định có liên quan	
Chỉ số 5.2.1: Các giấy tờ yêu cầu đối với nhập khẩu gỗ hiện hành và hợp pháp	• Đối với gỗ nhập khẩu, kiểm tra những tài liệu sau của công ty: • Mọi tài liệu yêu cầu đối với xuất khẩu gỗ từ quốc gia sản xuất • Thông báo của Hải quan cho phép nhập khẩu • Tài liệu của cơ quan kiểm lâm cho phép vận chuyển gỗ từ cảng. • Tài liệu xuất khẩu hợp pháp từ quốc gia sản xuất gỗ sẽ thay đổi tùy theo luật quy định của từng quốc gia. Kiểm tra với văn phòng hải quan yêu cầu về tài liệu từ các quốc gia xuất khẩu. Văn bản tham chiếu: • Điều 9 Quyết định 59/2005/QĐ-BNN ngày 10/10/2005 của Bộ NN&PTNT về việc ban hành Quy định về kiểm tra, kiểm soát lâm sản.
Chỉ số 5.2.2: Tài liệu xuất khẩu có hiệu lực đến thời điểm hiện tại.	• Kiểm tra các tài liệu có hiệu lực sau: • Vận đơn • Danh mục đóng gói gỗ xẻ hoặc sản phẩm gỗ • Ghi chép chuỗi hành trình sản phẩm (bao gồm tài liệu vận chuyển đề cập trong 6.3.2.) chứng minh nguồn gốc gỗ tròn sử dụng để sản xuất sản phẩm gỗ. • Ghi chú: xuất khẩu gỗ tròn hoặc gỗ xẻ có nguồn gốc từ rừng tự nhiên trong nước là bất hợp pháp. Văn bản tham chiếu: • Điều 5, Phụ lục 1 Nghị định 12/2006/NĐ-CP ngày 23/1/2006 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết việc thực hiện Luật Thương mại trong mua bán hàng hoá quốc tế và đại lý mua, bán, gia công, quá cảnh hàng hoá với nước ngoài. • Quyết định 65/1998/QĐ-TTg ngày 24/3/1998 của Thủ tướng Chính phủ về xuất nhập khẩu các sản phẩm gỗ và xuất nhập khẩu gỗ.

Tiêu chuẩn 5.3: Các công ty xuất nhập khẩu lâm sản tuân theo các điều kiện nêu trong các luật và qui định liên quan	
	• Kiểm tra các tài liệu sau khi cần thiết: • Kiểm tra hàng hoá đã đóng thuế xuất nhập khẩu và có hoá đơn đầy đủ. • Kiểm tra giấy phép, chứng nhận danh mục các loài thuộc Công ước CITES là chính xác • Giấy phép nhập/xuất khẩu có hiệu lực do Bộ NNPTNT (cơ quan quản lý CITES Việt Nam) cấp • Chứng nhận kiểm dịch thực vật do cơ quan kiểm dịch thực vật cấp. • Hạn mức gỗ rừng tự nhiên để sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu do chủ tịch UBND tỉnh cấp cho các doanh nghiệp, tổ chức. • Danh mục sản phẩm gỗ được phép xuất khẩu. • Hướng dẫn của Bộ thương mại đối với sản phẩm gỗ nhập khẩu từ các quốc gia có chung đường biên giới.
	Văn bản tham chiếu: • Quyết định số 110/2003/QĐ-BTC ngày 25/7/2003 của Bộ Tài Chính ban hành biểu thuế nhập khẩu ưu đãi. • Quyết định 54/2006/QĐ-BNN ngày 05/07/2006 của Bộ NN&PTNT về công bố Danh mục các loài động thực vật hoang dã thuộc Phụ lục của Công ước quốc tế về buôn bán các loài động, thực vật hoang dã và quý hiếm (CITES). • Điều 15 Nghị định 82/2006/NĐ-cp ngày 10/8/2006 về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu, nhập nội từ biên, quá cảnh, nuôi trồng, nhân giống các loài động thực vật hoang dã quý hiếm. • Điều 8, Chương 2, chương 3 Nghị định 02/2007/NĐ-CP của Chính phủ ngày 5/1/007 về kiểm dịch thực vật. • Điều 2, 5, Quyết định 65/1998/QĐ-TTg ngày 25/3/1998 của Thủ tướng Chính phủ về xuất khẩu sản phẩm gỗ và nhập khẩu gỗ nguyên liệu. • Khoản 7, Điều 10, Nghị định 12/2006/NĐ-CP ngày 23/1/2006 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết việc thực hiện Luật Thương mại trong mua bán hàng hoá quốc tế và đại lý mua, bán, gia công, quá cảnh hàng hoá với nước ngoài.;
NGUYÊN TẮC 6: CÁC QUI ĐỊNH VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ BẢO TỒN	
Tiêu chuẩn 6.1: Công ty thực hiện đánh giá tác động môi trường (EIA) và những đánh giá theo yêu cầu khác thuộc luật và qui định liên quan	
Chỉ số 6.1.1: Công ty hiện có quyết định phê duyệt đánh giá tác động môi trường trong trường hợp cần thiết.	Kiểm tra quyết định chính thức do Bộ TN&MT ký và có hiệu lực pháp lý, và có giá trị đối với toàn bộ khu vực được cấp phép hoạt động. Ghi chú: Công ty phải đánh giá tác động môi trường để trình Bộ TNMT phê duyệt trong các trường hợp sau: Khai thác rừng trồng có diện tích từ 1.000 ha trở lên • Khai thác rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ ven biển, rừng đặc dụng có diện tích từ 20 ha trở lên

	• khai thác rừng tự nhiên khác từ 200 ha trở lên theo quy hoạch chuyển mục đích sử dụng đất đã được Chính phủ phê duyệt.
	Văn bản tham chiếu: • Điều 20 - 22 Luật bảo vệ môi trường 2006; • Khoản 1, Điều 8 Nghị định 80/2006/NĐ-CP ngày 9/8/2006 về thực hiện Luật Bảo vệ môi trường. • Phụ lục – Danh mục dự án phải chuẩn bị báo cáo đánh giá tác động môi trường (ban hành cùng Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28/2/2008 về bổ sung và sửa đổi một số điều của Nghị định 80/2006/NĐ-CP ngày 09/08/2006 của Chính phủ về thực hiện Luật Bảo vệ môi trường.
Chỉ số 6.1.2: Công ty phải có công văn phê duyệt chính thức của cấp có thẩm quyền xác nhận các yêu cầu được nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được thực hiện	• Xác minh rằng công ty có quyết định chính thức (phê duyệt) với các thông tin liên quan do MONRE cung cấp. • Ghi chú: Mẫu xin phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường được nêu tại Thông tư 08/2006/TT-BTNMT và quy định thời gian thẩm định đánh giá tác động môi trường là 3 ngày (hoặc 5 ngày trong trường hợp có báo cáo bổ sung).
	Văn bản tham chiếu: • Điểm a, b, c Khoản 1, Điều 23 Luật bảo vệ môi trường 2005. • Khoản 3, Điều 16 Nghị định 80/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 9/8/2006 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường. • Mục 11, 12 và 13 Thông tư 08/2006/TT-BTNMT của Bộ TN&MT ngày 8/9/2006 về Hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường.
Tiêu chuẩn 6.2 Công ty có các biện pháp giảm thiểu những thông số môi trường (và giá trị bảo tồn) tiêu cực theo luật và qui định liên quan	
Chỉ số 6.2.1: Công ty thực hiện các biện pháp kiểm soát cháy rừng theo quy định về phòng chống cháy rừng	• Bằng chứng để chứng minh điều đó
	Văn bản tham chiếu: • Điều 4, 5 Nghị định 09/2006/NĐ-CP, ngày 16/1/2006 của Chính phủ về việc phòng chống cháy rừng.
Chỉ số 6.2.2: Công ty thực hiện hiệu quả các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường	• Kiểm tra giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường (đối với các tổ chức sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ và quản lý chất thải) • Biên bản thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật bảo vệ môi trường của lực lượng thanh tra đối với các doanh nghiệp
	Văn bản tham chiếu: • Khoản 3 Điều 66 Luật Bảo vệ môi trường 2006; • Khoản 3 Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường 2006.

Tiêu chuẩn 6.3: Công ty có biện pháp giảm thiểu giá trị bảo tồn tiêu cực theo luật và qui định liên quan	
Chỉ số 6.3.1: Công ty xác định các loài thực, động vật quý hiếm đang bị đe dọa trong phạm vi đơn vị quản lý rừng và tuân thủ các qui định về khai thác và bảo vệ liên quan	Kiểm tra việc áp dụng, thực hiện qui trình về xác định và bảo vệ, hoặc khai thác, các loài gỗ đang bị cạn kiệt có liên quan. Bao gồm cả việc xác định và lập bản đồ các chủng loại gỗ đang bị cạn kiệt trong khuôn khổ đánh giá tác động môi trường theo quy định hiện hành.
	Văn bản tham chiếu: - Khoản 1 và 2 Điều 6; Khoản 2 và 3 Điều 5 Nghị định 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30/3/2006 về việc quản lý các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm. - Nghị định 82/2006/NĐ-CP ngày 10/8/2006 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu và tái xuất các sản phẩm từ biển, quá cảnh, nuôi dưỡng, chăn nuôi và nhân giống nhân tạo các loài động thực vật hoang dã, quý hiếm. - Quyết định 54/2006/QĐ-BNN ngày 5/7/2006 ban hành danh mục các loài động, thực vật hoang dã thuộc phụ lục của công ước CITES. - Quyết định 40/2005/QĐ-BNN ngày 7/7/2005 của Bộ NN&PTNT về việc ban hành quy chế khai thác gỗ và các lâm sản khác.
NGUYÊN TẮC 7. CÁC QUI ĐỊNH VỀ XÃ HỘI	
Tiêu chuẩn 7.1: Công ty duy trì hoặc tăng cường phúc lợi kinh tế xã hội của người bản xứ và cộng đồng địa phương theo luật và qui định liên quan	
Chỉ số 7.1.1: Công ty phải tạo việc làm và thu nhập cho cộng đồng người dân địa phương.	- Kiểm tra bằng chứng phản ánh thực tế người dân địa phương, đặc biệt là dân tộc thiểu số, đã được tạo công ăn việc làm và đã nhận được nguồn lợi từ công ty. Kiểm tra chéo với các cộng đồng hưởng lợi (chỉ số này chỉ bắt buộc đối với nông trường, lâm trường quốc doanh). - Ghi chú: đối với những công ty khác, chỉ số này không bắt buộc, ngoại trừ những nơi chính quyền địa phương đưa ra những điều kiện về giao đất rừng trong phạm vi thẩm quyền.
	Văn bản tham chiếu: - Khoản 3, Điều 2 Nghị định 200/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về việc sắp xếp, đổi mới lâm trường quốc doanh. - Khoản 1, 2, Điều 2 Nghị định 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ về việc giao và khoán đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp và đất ngập nước do lâm trường quốc doanh đang quản lý.
Tiêu chuẩn 7.2: Công ty tuân thủ luật và qui định về quyền và phúc lợi của người lao động có liên quan	
Chỉ số 7.2.1: Công ty cho phép người lao động tham gia các đoàn thể lao động có tổ chức có thể chứng minh rằng không phân biệt đối xử giữa các thành viên khi ra quyết định tuyển dụng lao	Kiểm tra với công nhân để đảm bảo rằng họ không bị cấm tham gia các tổ chức đoàn thể và các thành viên đoàn thể không bị phân biệt đối xử trong việc ra quyết định tuyển dụng lao động.
	Văn bản tham chiếu: Điều 153, 154 Chương XIII Bộ Luật Lao động 23/6/1994 (sửa đổi vào ngày 02/4/2002)

động.	
Chỉ số 7.2.2: Khi được đoàn thể đại diện cho người lao động yêu cầu, công ty phải tiến hành thương lượng với đoàn thể và nghiêm chỉnh chấp hành mọi cam kết có được từ hoạt động thương lượng này.	• Kiểm tra các cam kết với đoàn thể, tài liệu ghi chép về các cuộc họp của đoàn thể và các cuộc họp của ban quản lý công ty. • Kiểm tra thỏa ước lao động tập thể được ký kết giữa công ty và công đoàn là người đại diện cho người lao động và đã đăng ký với Sở Lao động - Thương binh - Xã hội.
	• Văn bản tham chiếu: • Chương XIII Bộ Luật Lao động ngày 23/6/1994 (và Luật sửa đổi Bộ Luật Lao động ngày 02/4/ 2002). • Chương V, Bộ luật Lao động 1994 (và luật sửa đổi bổ sung Bộ Luật lao động 2/4/2002). • Nghị định 196/CP ngày 31/12/1994 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn việc thực hiện một số điều của Bộ Luật Lao động về thỏa ước lao động tập thể. • Nghị định 93/2002/NĐ-CP ngày 11/11/2002 sửa đổi bổ sung Nghị định 196/CP.
Chỉ số 7.2.3: Công ty trả lương cho người lao động và các phụ cấp khác theo qui định của pháp luật	• Kiểm tra bằng chứng về việc trả lương đúng thời hạn và phụ cấp mà người lao động thực sự nhận được. • Ghi chú: Lương trả cho người lao động phải tương đương hoặc cao hơn mức lương tối thiểu hoặc theo mức lương đã nêu trong hợp đồng lao động và phù hợp với quy định hiện hành.
	Văn bản tham chiếu: • Điều 63, 64, 141, 148, 149, Luật Lao động 1994 • Điều 1, Nghị định 93/2006/NĐ-CP ngày 06/1/2006 của Chính phủ về việc điều chỉnh mức lương tối thiểu của người lao động Việt Nam làm công việc đơn giản trong điều kiện làm việc bình thường cho các công ty nước ngoài. • Điều 1, Nghị định 94/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về việc điều chỉnh mức lương tối thiểu. • Điều 18 Luật Bảo hiểm xã hội. • Điều 43 Nghị định 152/2006/NĐ-CP hướng dẫn một số điều Luật bảo hiểm xã hội. Điều 63, 64, 141, 148, 149 Bộ Luật Lao động, ngày 23/6/1994
Chỉ số 7.2.4: Công ty thực hiện các quy định về an toàn lao động, sử dụng có trách nhiệm công cụ lao động và đảm bảo vệ sinh lao động được nêu trong Bộ Luật lao động.	• Kiểm tra công ty đã tài liệu hoá và thực hiện các quy trình về an toàn lao động, gồm: hướng dẫn lao động, sử dụng hợp lý trang thiết bị an toàn và đào tạo cán bộ về an toàn và sử dụng thiết bị an toàn. • Ghi chú: Báo cáo khả thi về các biện pháp đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh lao động được cơ quan an toàn lao động thông qua và đã gửi bản sao tới Thanh tra lao động địa phương để kiểm tra.
	Văn bản tham chiếu: • Khoản 1 Điều 95, Điều 98, 102 Chương IX Bộ Luật Lao động 23/6/1994 (sửa đổi

	ngày 02/4/2002). • Điều 3 Nghị định 06/CP của Chính phủ ngày 20/1/1995 quy định chi tiết một số điều của Bộ luật lao động về an toàn lao động và vệ sinh lao động. • Điều 1 Nghị định 110/2002/NĐ-CP ngày 27/12/2002 sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định 06/CP.
Chỉ số 7.2.5: Công ty phải đảm bảo có sẵn đầy đủ các phương tiện lao động an toàn và y tế và có thể tiếp cận để sử dụng tại từng địa điểm lao động	• Xác minh xem công ty có cung cấp trang thiết bị an toàn cho công nhân sử dụng và đăng ký các trang thiết bị cứu y tế khẩn cấp luôn sẵn có tại hiện trường, ở những nơi cần trang bị theo quy định về an toàn và vệ sinh. • Ghi chú: Kiểm tra máy móc, trang thiết bị vật chất yêu cầu về an toàn lao động và vệ sinh lao động nằm trong Danh mục quy định của Bộ Lao động - Thương binh - Xã hội và Bộ y tế. Văn bản tham chiếu: • Điều 100, 103 , Chương IX Bộ Luật Lao động, ngày 23/6/1994 (sửa đổi ngày 02/4/2002) • Điều 1, Nghị định 110/2002/NĐ-CP ngày 27/12/2002 sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định 06/CP của Chính phủ
Chỉ số 7.2.6: Công ty phải đảm bảo rằng toàn bộ công nhân có tuổi đời tối thiểu là 15 tuổi.	• Xác minh xem mọi công nhân làm việc ở công ty có trên 15 tuổi không và công ty ghi chép đầy đủ như mã số công nhân, ngày sinh theo chứng minh thư nhân dân hoặc giấy khai sinh. • Ghi chú: công nhân dưới 18 tuổi phải được phép của bố mẹ hoặc người đỡ đầu; thông tin chi tiết về công nhân dưới 18 tuổi phải được lưu hồ sơ riêng. Văn bản tham chiếu: • Điều 6, 119 Bộ Luật Lao động, 23/6/1994 (sửa đổi ngày 02/4/2002)
Chỉ số 7.2.7: Công ty phải mua bảo hiểm xã hội cho công nhân để chi trả khi bị tai nạn hoặc đau ốm trong khi làm nhiệm vụ.	• Xác minh công nhân có thể bảo hiểm hoặc lương họ nhận được bao gồm cả bảo hiểm xã hội. • Ghi chú: Công nhân được đóng bảo hiểm xã hội để chi trả chi phí phát sinh do ốm, đau trong khi làm nhiệm vụ. Nếu công ty chưa mua bảo hiểm xã hội cho công nhân thì công ty phải chi trả toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến việc chữa bệnh. Công ty cũng phải cho công nhân nghỉ khi ốm đau hoặc khi gia đình có người bị ốm hay nghỉ thai nghén và sinh con đối với phụ nữ. Văn bản tham chiếu: • Điều 107 Bộ Luật Lao động ngày 23/6/1994 (sửa đổi ngày 02/4/2002). • Chương III Luật Bảo hiểm xã hội 2006. • Nghị định 152/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 22/12/2006 hướng dẫn một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội 2006.
Chỉ số 7.2.8: Công ty ký hợp đồng lao động với công nhân và tuân theo những điều khoản quy định trong hợp	• Kiểm tra đảm bảo công nhân có hợp đồng lao động có hiệu lực ký kết với công ty theo đúng chức năng nhiệm vụ của mình và hình thức, nội dung hợp đồng theo quy định pháp luật hiện hành Văn bản tham chiếu:

đồng	Điều 26-38 Bộ Luật Lao động (sửa đổi ngày 02/4/2002). Nghị định 44/2003/NĐ-CP ngày 9/5/2003 quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Bộ luật lao động về hợp đồng lao động.
Chỉ số 7.2.9: Công ty thanh toán tiền trợ cấp hưu trí hay tiền trợ cấp nghỉ theo chế độ, trợ cấp thôi việc khi chấm dứt hợp đồng lao động	- Xác minh rằng theo thỏa thuận của công ty về lương hưu và trợ cấp, công nhân được hưởng lương hưu, trợ cấp hoặc trợ cấp nghỉ theo chế độ, trợ cấp thôi việc phụ thuộc vào thâm niên và mức bảo hiểm xã hội. Văn bản tham chiếu: - Điều 145 Bộ Luật Lao động 1994 (sửa đổi ngày 02/4/2002). - Mục 4 Chương III Luật bảo hiểm xã hội 2006. - Mục 4 Nghị định 152/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 22/12/2006 hướng dẫn một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội 2006. - Điều 14, Nghị định 44/2003/NĐ-CP ngày 9/5/2003 quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Bộ luật lao động về hợp đồng lao động
Chỉ số 7.2.10: Công ty không được phép yêu cầu công nhân làm việc quá 8 tiếng/1 ngày đối với lao động bình thường (6-7 tiếng/1 ngày đối với một số trường hợp); trả tiền phụ cấp làm việc ngoài giờ theo đúng quy định và cho công nhân được hưởng chế độ nghỉ phép hàng năm ngoài các ngày nghỉ khác theo quy định của pháp luật	- Xác minh thông qua phỏng vấn công nhân để đảm bảo rằng họ không phải làm việc trên 40 giờ/1 tuần; thời gian làm việc tình nguyện ngoài giờ được trả lương đầy đủ và mỗi công nhân được hưởng chế độ nghỉ phép là 12-16 ngày/1 năm ngoài các ngày nghỉ khác theo quy định. Văn bản tham chiếu: - Điều 61, 68, 73, 74, 78 Bộ Luật Lao động 1994 (sửa đổi ngày 2/4/2002) - Nghị định 195/CP ngày 31/12/1994 quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Bộ luật lao động về thời giờ làm việc và thời giờ nghỉ ngơi. - Nghị định 109/2002/NĐ-CP ngày 27/12/2002 sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định 195/CP.
Chỉ số 7.2.11: Công ty có quy định nội bộ về lao động	- Kiểm tra nội quy lao động nội bộ đã được đăng ký với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Văn bản tham chiếu: - Điều 12, 18, 84, 85, 86, 87, 92 của Bộ Luật lao động 1994 (sửa đổi ngày 2/4/2002). - Nghị định 41-CP ngày 6/7/1995 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Bộ luật Lao động về kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất - Nghị định 33/2003/NĐ-CP ngày 2/4/2003 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 41/CP.
NGUYÊN TẮC 8. THUẾ VÀ LỆ PHÍ	

Tiêu chuẩn 8.1: Công ty chứng minh đã nộp đầy đủ các khoản thuế, lệ phí và tiền bản quyền đúng hạn theo quy định của luật và các văn bản liên quan	
Chỉ số 8.1.1: Công ty chứng minh đã nộp đầy đủ các khoản phí (kế hoạch quản lý, kế hoạch khai thác và thiết kế đánh giá tác động môi trường) và thuế (thuế sử dụng đất và thuế tài nguyên)	• Kiểm tra hoá đơn/giấy biên nhận nộp phí và thuế của năm hiện tại của công ty và kiểm tra chéo với một mẫu hồ sơ khai thác có giá trị chi trả tương ứng với khối lượng khai thác.
	Văn bản tham chiếu: • Khoản 4, Điều 9, Luật thuế sử dụng đất nông nghiệp 1993. • Khoản 1, Điều 2 và 3 Nghị định 129/2003/NĐ-CP ngày 3/11/2003 về miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp. • Thông tư 89-TC/TCT ngày 9/11/1993 của Bộ tài chính quy định hướng dẫn thực hiện Nghị định 74/CP ngày 25/10/1993 của Chính phủ quy định chi tiết về việc thi hành Luật thuế sử dụng đất nông nghiệp. • Điều 3 Pháp lệnh 05/1998/PL-UBTVQH10, ngày 16/4/1998 về thuế tài nguyên (sửa đổi). • Khoản 5, Điều 2, và điều 9 của Nghị định số 68/1998/NĐ-CP ngày 03/9/1998 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Thuế Tài nguyên. • Điều 7 Nghị định 147/2006/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định 68/1998/NĐ-CP ngày 3/9/1998. • Khoản 1 Phần 1 và Khoản 4 Phần III của Thông tư số 42/2007/TT-BTC ngày 27/4/2007 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thi hành Nghị định 68/1998/NĐ-CP.
Chỉ số 8.1.2: Công ty chứng minh rằng đã nộp thuế VAT, thuế xuất/nhập khẩu (nếu có) và thuế thu nhập doanh nghiệp.	• Kiểm tra hoá đơn/giấy biên nhận nộp phí và thuế của năm hiện tại và kiểm tra chéo với một mẫu hồ sơ khai thác hoặc sản xuất để đảm bảo giá trị chi trả tương ứng với khối lượng khai thác hoặc sản xuất. • Ghi chú: Miễn thuế VAT cho các sản phẩm từ rừng trồng chưa được tổ chức hoặc cá nhân chế biến thành sản phẩm khác hoặc mới chỉ sơ chế; và máy móc, trang thiết bị và phương tiện chuyên chở chuyên dụng không sản xuất ở trong nước.
	Văn bản tham chiếu: <u>VAT</u> • Khoản 1, Điều 2 Nghị định 156/2005/NĐ-Cp của Chính phủ ngày 15/12/2005 về sửa đổi và bổ sung một số Nghị định của Chính phủ về thực hiện Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế VAT. • Khoản 4, Điều 4 và Điều 11, 12, 13 Nghị định 158/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/12/2003 về hướng dẫn chi tiết thực hiện luật thuế VAT và sửa đổi bổ sung một số điều của luật thuế VAT. • Phần B của Thông tư 120/2003/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 12/12/2003 về hướng dẫn thực hiện Nghị định 158/2003/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ. <u>Thuế xuất/nhập khẩu</u> • Khoản 1, 2, 3 Điều 2 và Điều 7, 12, 14 Nghị định 149/2005/NĐ-CP của Chính phủ, ngày 14/12/2005 về hướng dẫn chi tiết thực hiện luật thuế xuất khẩu, nhập khẩu. <u>Thuế thu nhập doanh nghiệp</u> • Điều 1, 3; Khoản 1, 2 Điều 9 Nghị định 24/2007/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14/2/2007 về hướng dẫn chi tiết thực hiện Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

Ghi chú quan trọng

Tài liệu này chỉ phục vụ cung cấp thông tin.

Mọi cá nhân tìm kiếm tư vấn pháp lý về tuân thủ theo luật Vietnam hoặc luật của các quốc gia khác cần tham vấn chuyên gia luật.

Tác giả hoặc người cung cấp thông tin không chịu bất kỳ trách nhiệm nào xuất phát từ những hoạt động thực hiện theo gợi ý đề cập trong tài liệu này.